

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ PHỔ YÊN
TỈNH THÁI NGUYÊN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 08/2022/HN&GD-ST

Ngày: 15/3/2022.

V/v: “Ly hôn”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ PHỔ YÊN, TỈNH THÁI NGUYÊN

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- *Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Thu Hà.

- *Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Nguyễn Hồng Hải;

2. Ông Nguyễn Bá Quyền.

Thư ký phiên tòa: Bà Tạ Thị Dung – Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Phổ Yên, tỉnh Thái Nguyên.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Phổ Yên tham gia phiên tòa: Ông Đào Việt Yên – Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 03 năm 2022, tại Hội trường xét xử Tòa án nhân dân thị xã Phổ Yên, tỉnh Thái Nguyên, xét xử công khai sơ thẩm vụ án Hôn nhân & gia đình thụ lý số: 317/2021/TLST-HN&GD ngày 15 tháng 12 năm 2021, về việc “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 06/2022/QĐXXST-HN&GD ngày 28 tháng 02 năm 2022, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thùy D, sinh năm 1995;

ĐKKHKT: Xóm Trung Lâm, xã Tiên Phong, thị xã Phổ Yên, Thái Nguyên.

Bị đơn: Anh Tạ Văn T, sinh năm 1993;

ĐKNKKT: Xóm Trung Lâm, xã Tiên Phong, thị xã Phổ Yên, Thái Nguyên.

(Chị D anh T vắng mặt đều có đơn xin xét xử vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện, bản tự khai và tại phiên tòa nguyên đơn chị Nguyễn Thùy Dung trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Tạ Văn T kết hôn tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã Tiên Phong vào ngày 12/6/2018. Sau khi kết hôn, chị về nhà anh Tiến làm dâu sống chung cùng gia đình anh T. Quá trình chung sống anh chị xảy ra nhiều mâu thuẫn do bất đồng quan điểm nên thường xuyên xảy ra cãi vã, không

thể hòa hợp. Do vậy, mâu thuẫn ngày càng trầm trọng đến nay không thể kéo dài cuộc sống chung được nữa. Mục đích hôn nhân không đạt được, chị và anh T đã ly thân từ ngày 04/3/2019 cho đến nay. Chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh T.

Về con chung: Quá trình chung sống chị và anh T không có con chung.

Về tài sản chung: Không có, không đặt ra việc giải quyết.

Về nợ chung, khoản cho vay chung: Không có.

Tại bản tự khai anh Tạ Văn Tiến trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Về thời gian kết hôn và chung sống giữa anh với chị D như chị D trình bày là hoàn toàn đúng. Sau khi kết hôn chị D về nhà anh làm dâu, cuộc sống chung vợ chồng không hạnh phúc vì không có sự hòa hợp. Đến tháng 3/2019 chị D đã tự ý bỏ về nhà bố mẹ đẻ ở. Anh đã động viên vợ về đoàn tụ nhưng không thành nên đã vào thành phố Hồ Chí Minh làm việc. Anh xác định, anh và chị Dung đã ly thân một thời gian dài, không có khả năng đoàn tụ, chị Dung có đơn xin ly hôn, anh cũng đồng ý ly hôn. Do điều kiện công việc và tình hình dịch bệnh Covid – 19 phức tạp nên anh xin được vắng mặt các phiên hoà giải và xét xử của Tòa án nhân dân thị xã Phổ Yên, tỉnh Thái Nguyên.

Về con chung: Anh và chị D không có con chung.

Về tài sản chung: Không có.

Về nợ chung, khoản cho vay chung: Không có.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Phổ Yên phát biểu quan điểm về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, của Hội đồng xét xử, việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng dân sự, kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm hội đồng xét xử nghị án được thực hiện đúng trình tự, thủ tục tố tụng. Đại diện Viện kiểm sát không có ý kiến đề nghị, kiến nghị gì.

Về nội dung giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các Điều 51, 56 Luật hôn nhân và gia đình; Điều 266 Bộ luật tố tụng dân sự, khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016 ngày 30/12/2016, ra quyết định với các nội dung sau:

Về quan hệ hôn nhân: Cho chị D được ly hôn với anh T.

Về con chung: Không có, không đặt ra việc giải quyết.

Về tài sản chung: Không có, không đặt ra việc giải quyết.

Về nợ chung, khoản cho vay chung: Không có, không đặt ra việc giải quyết.

Về án phí: Chị Dung phải nộp 300.000đ án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Các đương sự có quyền kháng cáo Bản án theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa. Sau khi nghe đại diện Viện kiểm sát phát biểu quan điểm chấp hành pháp luật tố tụng dân sự, quan điểm giải quyết vụ án. Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Đây là vụ án Hôn nhân và gia đình về “*Ly hôn*” cả nguyên đơn và bị đơn đều có hộ khẩu thường trú tại xóm Trung Lâm, xã Tiên Phong, thị xã Phổ Yên, tỉnh Thái Nguyên. Căn cứ Điều 28, Điều 35, Điều 39 Bộ luật tố tụng Dân sự xác định đây là tranh chấp về Hôn nhân và gia đình, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã Phổ Yên.

[2]. Về thủ tục tố tụng:

[2.1]. Về sự vắng mặt của đương sự: Chị Nguyễn Thuỳ D là nguyên đơn; anh Tạ Văn T là bị đơn, cả hai đều có đơn xin xét xử vắng mặt. Hội đồng xét xử thống nhất ý kiến của Kiểm sát viên đề nghị xét xử vụ án vắng mặt các đương sự theo quy định tại khoản 1 và điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228 và Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2.2]. Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án tiến hành biện pháp xác minh, thu thập chứng cứ, Viện kiểm sát nhân dân thị xã Phổ Yên tham gia phiên tòa là đúng với quy định tại khoản 2 Điều 21 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3]. Về nội dung vụ án:

[3.1]. Về quan hệ hôn nhân: Xét yêu cầu khởi kiện xin ly của chị Nguyễn Thuỳ D, Hội đồng xét xử thấy:

Chị Nguyễn Thuỳ D và anh Tạ Văn T kết hôn tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã Tiên Phong năm 2018 nên được công nhận là hôn nhân hợp pháp.

Sau khi kết hôn, chị về nhà anh T làm dâu sống chung cùng gia đình anh T. Quá trình chung sống anh chị xảy ra nhiều mâu thuẫn do bất đồng quan điểm nên thường xuyên xảy ra cãi vã, không thể hòa hợp. Do vậy, mâu thuẫn ngày càng trầm trọng đến nay không thể kéo dài cuộc sống chung được nữa. Mục đích hôn nhân không đạt được, chị và anh T đã ly thân từ ngày 04/3/2019 cho đến nay. Tại bản tự khai anh T thừa nhận vợ chồng không hòa hợp chị Dung đã bỏ nhà đi từ tháng 3/2019 và vợ chồng ly thân từ đó đến nay, không có khả năng đoàn tụ nên anh cũng đồng ý ly hôn theo yêu cầu khởi kiện của chị D. Xét thấy cuộc sống chung giữa chị Dung và anh Tiến đã xảy ra nhiều mâu thuẫn, bất đồng quan điểm khiến cuộc sống chung căng thẳng, không có hạnh phúc, vợ chồng đã ly thân một thời gian dài, điều này phù hợp với kết quả thu thập chứng cứ của Tòa án, cụ thể:

Xác minh tình trạng hôn nhân của chị Dung, anh Tiến tại gia đình bà Hoàng Thị Tuyền - Mẹ đẻ anh Tiến, bà Tuyền trình bày: Bà xây dựng gia đình cho anh Tiến, chị Dung từ năm 2018. Sau khi kết hôn chị D về nhà bà làm dâu, chung sống đến tháng 3/2019 thì chị D bỏ đi, về nhà bố mẹ đẻ ở từ đó không quay lại nữa. Nguyên nhân chị D bỏ đi là gì thì bà không biết. Chị D về quê ngoại rồi viết đơn xin ly hôn với anh T, anh T mang đơn đi nộp nhưng chị D viết đơn mà không ký nên không nộp được. Anh T nói chị D muốn làm gì thì làm, anh Tiến sẽ đồng ý (tức là cũng đồng ý ly hôn). Trong thời gian chung sống, bà không thấy anh chị cãi nhau

hay xô xát bao giờ. Do đó, việc anh chị có mâu thuẫn và hiện tại không sống chung với nhau là thực tế. Tại bản tự khai và đơn xin xét xử vắng mặt anh Tiến trình bày do điều kiện công việc hiện tại anh đang đi làm xa và dịch bệnh Covid-19 đang diễn biến phức tạp nên anh xin phép vắng mặt tại các phiên hòa giải cũng như phiên tòa sơ thẩm, đồng thời giữ nguyên quan điểm đồng ý ly hôn theo đề nghị của chị D .

Theo quy định tại Điều 19 của Luật Hôn nhân và Gia đình: *“Vợ chồng có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau; cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình; có nghĩa vụ sống chung với nhau...”*. Tuy nhiên, từ lời khai của chị D , anh T và của mẹ anh T cho thấy: Chị D , anh T đã không thực hiện quyền, nghĩa vụ của vợ chồng theo quy định, làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được.

Theo khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định: *“Khi vợ hoặc chồng yêu cầu ly hôn mà hòa giải tại Tòa án không thành thì Tòa án giải quyết cho ly hôn nếu có căn cứ về việc vợ, chồng có hành vi bạo lực gia đình hoặc vi phạm nghiêm trọng quyền, nghĩa vụ của vợ, chồng làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được”*. Do vậy, cần chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị D , cho chị D được ly hôn với anh T là phù hợp theo quy định tại Điều 19 và khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

[3.2]. Về con chung: Quá trình chung sống, chị Dung và anh Tiến không có con chung nên không đặt ra việc giải quyết.

[3.3]. Về tài sản chung: Không có nên không đặt ra việc giải quyết.

[3.4]. Về nợ chung, khoản cho vay chung: Không có nên không đặt ra việc giải quyết.

[4]. Về án phí: Nguyên đơn, chị D phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về Ly hôn theo quy định của pháp luật.

[5]. Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng: Khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 227, Điều 235; khoản 1 và điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 238, Điều 271, Điều 273 Bộ luật Tố tụng Dân sự ;

- Căn cứ Điều 19, Điều 51, khoản 1 Điều 56 và Điều 131 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014;

- Căn cứ Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016, của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm thu, nộp, quản lý sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của chị Nguyễn Thùy D đối với anh Tạ Văn T .

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thùy D được ly hôn với anh Tạ Văn T .
2. Về con chung: Không có, không đặt ra việc giải quyết.
3. Về tài sản chung: Không có, không đặt ra việc giải quyết.
4. Về nợ chung, khoản cho vay chung: Không có, không đặt ra việc giải quyết.
5. Về án phí: Chị Nguyễn Thùy D phải chịu 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) án phí dân sự sơ thẩm sung quỹ Nhà nước, được khấu trừ vào số tiền 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) tạm ứng án phí đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Phổ Yên, tỉnh Thái Nguyên theo biên lai thu số 0001987 ngày 15/12/2021.

6. Về quyền kháng cáo: Án xử công khai sơ thẩm vắng mặt chị D và anh T tại phiên toà. Báo cho biết, chị D , anh T vắng mặt tại phiên toà có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản sao bản án hoặc bản án được niêm yết công khai hợp lệ theo quy định của pháp luật./.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7a, 7b và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự được sửa đổi, bổ sung năm 2014./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Thái Nguyên;
- VKSND thị xã Phổ Yên;
- THADS thị xã Phổ Yên;
- Cổng thông tin điện tử TANDTC;
- UBND xã Tiên Phong (Nơi ĐKKH);
- Các đương sự;
- Lưu VP, hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Nguyễn Thị Thu Hà